

SỐ: 5803/BKHĐT-GSTĐĐT**Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2019**

V/v xin ý kiến Kế hoạch thẩm định
Báo cáo NCKT Dự án Nhà máy
nhiệt điện Ô Môn III.



Kính gửi:.....

Thực hiện Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 14/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng thẩm định Nhà nước Dự án Nhà máy nhiệt điện Ô Môn III, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan thường trực Hội đồng) xin gửi Thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước và Quý Cơ quan dự thảo Kế hoạch thẩm định Báo cáo NCKT Dự án Nhà máy nhiệt điện Ô Môn III của Hội đồng thẩm định nhà nước, bao gồm:

- (1) Dự thảo Quyết định phê duyệt kế hoạch thẩm định.
- (2) Dự thảo Kế hoạch thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước.
- (3) Dự thảo Phụ lục chi phí thẩm định.

Đề nghị Thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước và Quý Cơ quan nghiên cứu, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư bằng văn bản và gửi qua thư điện tử địa chỉ vugstddt@mpi.gov.vn trước ngày 22/8/2019. /

Nơi nhận:

- Như trên (kèm tài liệu);
- VPCP (để b/c);
- Các bộ: QP, CA, NNPTNT, TNMT, GTVT, TC, XD, TP; KH&CN; CT;
- UBQLVNN tại DN;
- UBND thành phố Cần Thơ;
- Bộ KHĐT: Bộ trưởng (để b/c), các Cục/vụ: QLĐT, PTDN, KTCN, PC, KTĐP<, QLQH, KHGDTNMT, KTĐN, THKTQD, TCTT; VP Bộ (để có ý kiến);
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Lưu: VT, GSTĐĐT, (th 42)



Số: /QĐ-HĐTDNN

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2019

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi
Dự án Nhà máy nhiệt điện Ô Môn III

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 29/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 131/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn về dự án quan trọng quốc gia;
Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
Căn cứ Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng thẩm định Nhà nước Dự án Nhà máy nhiệt điện Ô Môn III
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư và ý kiến của Hội đồng thẩm định nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước về Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án Nhà nước Dự án Nhà máy nhiệt điện Ô Môn III.

Điều 2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch thẩm định theo thời gian quy định.

Điều 3. Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn về dự án quan trọng quốc gia đối với các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch thẩm định theo thời gian quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án Nhà máy nhiệt điện Ô Môn III; các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng các đơn vị có thành viên tham gia Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành và các thành viên Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- VPCP (để b/c TTg);
- VPQH (để phối hợp);
- Các Bộ có thành viên tham gia Hội đồng;
- Bộ KHĐT: các Cục/vụ: QLĐT, PTDN, KTCN, PC, KTĐP<, QLQH, KHGDTNMT, KTĐN, THKTQD, TCTT; VP Bộ;
- Lưu: VT, GSTĐĐT (NQT.)

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

**BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Nguyễn Chí Dũng**

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2019

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH THẨM ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHĐT
ngày tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước)

I. NHIỆM VỤ VÀ NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Nhiệm vụ thẩm định

Tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (Báo cáo NCTKT) Dự án Nhà máy nhiệt điện Ô Môn III (sau đây gọi tắt là Dự án) để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét và trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

2. Cơ sở pháp lý tổ chức thẩm định

Luật Quản lý nợ công số 29/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Nghị định số 131/2015/NĐ-CP ngày 25/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn về dự án quan trọng quốc gia;

Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016;

Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ

sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT ngày 14/02/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu dịch vụ tư vấn;

Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Thông tư 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

3. Nội dung thẩm định Dự án

Điều 16 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP ngày 25/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn về dự án quan trọng quốc gia (Nghị định số 131/2015/NĐ-CP) quy định 16 nội dung thẩm định¹ và Điều 7 Thông tư 12/2016/TT-BKHĐT ngày

¹ Điều 16. Nội dung thẩm định chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn đầu tư công

1. Nội dung thẩm định, bao gồm:

a) Đánh giá về hồ sơ Dự án: Căn cứ pháp lý, thành phần, nội dung hồ sơ theo quy định;

b) Việc đáp ứng các tiêu chí xác định dự án là dự án quan trọng quốc gia;

c) Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, chiến lược, kế hoạch và quy

08/8/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ gồm 3 nội dung thẩm định².

Chi tiết nội dung thẩm định và phân công trách nhiệm thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước và thành viên Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành (dưới đây gọi tắt là TV HĐTĐNN và Tổ CGTĐLN) tổ chức thẩm định dự án như sau:

STT	Nội dung thẩm định	Hình thức đánh giá	TV HĐTĐNN/ Tổ CGTĐLN chịu trách nhiệm chính theo chức năng OLNN được phân công
1	Đánh giá về hồ sơ Dự án: Căn cứ pháp lý, thành phần, nội dung hồ sơ theo quy định	Báo cáo bằng văn bản	TV HĐTĐNN và Tổ CGTĐLN

hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; sự tuân thủ các quy định của pháp luật;

d) Đánh giá về dự báo nhu cầu, phạm vi phục vụ và dự kiến mục tiêu đầu tư, quy mô và hình thức đầu tư;

đ) Đánh giá về khu vực, địa điểm đầu tư, dự kiến nhu cầu diện tích sử dụng đất và nhu cầu sử dụng tài nguyên khác (nếu có);

e) Đánh giá về việc phân tích, lựa chọn sơ bộ về công nghệ, kỹ thuật chính và các điều kiện cung cấp vật tư, thiết bị, nguyên liệu, năng lượng, dịch vụ, hạ tầng;

g) Đánh giá về việc phân tích, lựa chọn sơ bộ các phương án đầu tư và quy mô các hạng mục đầu tư;

h) Đánh giá về phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư, biện pháp bảo vệ môi trường;

i) Đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội của dự án;

k) Đánh giá về việc xác định sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn: Căn cứ xác định nhu cầu vốn đầu tư, cơ cấu tổng mức đầu tư, mức độ chính xác về nhu cầu vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn; phân tích tính khả thi của các phương án huy động vốn và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công;

l) Đánh giá về việc xác định sơ bộ chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác vận hành dự án;

m) Đánh giá về tiến độ dự kiến thực hiện dự án, phân chia giai đoạn đầu tư hoặc phân chia các dự án thành phần hoặc tiểu dự án (nếu có);

n) Đánh giá về hiệu quả đầu tư: Hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững;

o) Đánh giá về các giải pháp tổ chức thực hiện dự án: Xác định chủ đầu tư (nếu có); hình thức quản lý dự án;

p) Đánh giá về cơ chế, chính sách đặc thù; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có).

2. Đối với dự án có cấu phần xây dựng, ngoài đánh giá các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều này, còn phải đánh giá phương án thiết kế sơ bộ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

² Điều 7. Nội dung thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

Nội dung thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại Điều 15, 16, 17 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP và Điều 23, 24 của Nghị định số 136/2015/NĐ-CP và các nội dung liên quan đến vốn ODA, vốn vay ưu đãi sau:

1. Sự phù hợp với lĩnh vực ưu tiên, nguyên tắc sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ, định hướng ưu tiên cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và các nội dung chủ yếu của Đề xuất chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền cho phép.

2. Khả năng cân đối vốn đối ứng để tiếp nhận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

3. Cơ chế tài chính trong nước và phương thức cho vay lại: Hồ sơ và quy trình thẩm định thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

STT	Nội dung thẩm định	Hình thức đánh giá	TV HĐTĐNN/ Tổ CGTĐLN chịu trách nhiệm chính theo chức năng OLNN được phân công
2	Việc đáp ứng các tiêu chí xác định dự án là dự án quan trọng quốc gia	nt	TV HĐTĐNN và Tổ CGTĐLN thuộc các bộ: KHĐT, CT, XD, TC, TNMT, TP và UBQLV.
3	Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, chiến lược, kế hoạch và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; sự tuân thủ các quy định của pháp luật	nt	Các TV HĐTĐNN và Tổ CGTĐLN.
4	Đánh giá về dự báo nhu cầu, phạm vi phục vụ và dự kiến mục tiêu đầu tư, quy mô và hình thức đầu tư	nt	Các TV HĐTĐNN và Tổ CGTĐLN.
5	Đánh giá về khu vực, địa điểm đầu tư, dự kiến nhu cầu diện tích sử dụng đất và nhu cầu sử dụng tài nguyên khác (nếu có)	nt	TV HĐTĐNN và Tổ CGTĐLN thuộc các bộ: QP, CA, NN&PTNN, TNMT, GTVT, CT, TC, XD, TP, KHCN và UBQLV, UBND tp Cần Thơ, NHNN.
6	Đánh giá về việc phân tích, lựa chọn sơ bộ về công nghệ, kỹ thuật chính và các điều kiện cung cấp vật tư, thiết bị, nguyên liệu, năng lượng, dịch vụ, hạ tầng	nt	TV HĐTĐNN và Tổ CGTĐLN thuộc các bộ: KHCN, TC, GTVT, XD, KHĐT, CT và UBQLV, UBND tp Cần Thơ.
7	Đánh giá về việc phân tích, lựa chọn sơ bộ các phương án đầu tư và quy mô các hạng mục đầu tư	nt	TV HĐTĐNN và Tổ CGTĐLN thuộc các bộ: KHĐT, TC, GTVT, XD, CT và UBQLV, UBND tp Cần Thơ.
8	Đánh giá về phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư, biện pháp bảo vệ môi trường	nt	TV HĐTĐNN và Tổ CGTĐLN thuộc các bộ: TNMT, KHĐT, GTVT, XD, TC, CA, QP, CT, NN&PTNN và UBQLV, UBND tp Cần Thơ.

STT	Nội dung thẩm định	Hình thức đánh giá	TV HĐTDNN/ Tổ CGTĐLN chịu trách nhiệm chính theo chức năng OLNN được phân công
9	Đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội của dự án	nt	Thành viên HĐTDNN và Tổ CGTĐLN thuộc các bộ: TC, TNMT, CT và UBQLV, UBND tp Cần Thơ.
10	Đánh giá về việc xác định sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn: (1) Căn cứ xác định nhu cầu vốn đầu tư, cơ cấu tổng mức đầu tư, mức độ chính xác về nhu cầu vốn đầu tư; cơ cấu nguồn vốn; (2) Phân tích tính khả thi của các phương án huy động vốn và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công.	nt	Thành viên HĐTDNN và Tổ CGTĐLN thuộc các bộ, ngành: QP, CA, NN&PTNN, TNMT, GTVT, CT, TC, XD, TP, KHCN và UBQLV, UBND tp Cần Thơ, NHNN.
11	Đánh giá sự phù hợp với lĩnh vực ưu tiên, nguyên tắc sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ, định hướng ưu tiên cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và các nội dung chủ yếu của Đề xuất chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền cho phép	nt	TV HĐTDNN và Tổ CGTĐLN thuộc các bộ, ngành: QP, CA, NN&PTNN, TNMT, GTVT, CT, TC, XD, TP, KHCN và UBQLV, UBND tp Cần Thơ, NHNN.
12	Khả năng cân đối vốn đối ứng để tiếp nhận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	nt	TV HĐTDNN và Tổ CGTĐLN thuộc các bộ, ngành: QP, CA, NN&PTNN, TNMT, GTVT, CT, TC, XD, TP, KHCN và UBQLV, UBND tp Cần Thơ, NHNN.
13	Đánh giá về cơ chế tài chính trong nước và phương thức cho vay lại	nt	TV HĐTDNN và Tổ CGTĐLN thuộc các bộ, ngành: GTVT, CT, TC, XD, TP, và UBQLV, UBND tp Cần Thơ, NHNN.
14	Đánh giá về việc xác định sơ bộ chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn	nt	TV HĐTDNN và Tổ CGTĐLN thuộc các bộ: QP, CA, NN&PTNN,

STT	Nội dung thẩm định	Hình thức đánh giá	TV HĐTĐNN/ Tổ CGTĐLN chịu trách nhiệm chính theo chức năng OLNN được phân công
	trong giai đoạn khai thác vận hành dự án		TNMT, GTVT, CT, TC, XD, TP, KHCN và UBQLV, UBND tp Cần Thơ, NHNN.
15	Đánh giá về tiến độ dự kiến thực hiện dự án, phân chia giai đoạn đầu tư hoặc phân chia các dự án thành phần hoặc tiểu dự án (nếu có)	nt	TV HĐTĐNN và Tổ CGTĐLN thuộc các bộ: QP, CA, NN&PTNN, TNMT, GTVT, CT, TC, XD, TP, KHCN và UBQLV, UBND tp Cần Thơ, NHNN.
16	Đánh giá về hiệu quả đầu tư: Hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững	nt	Các TV HĐTĐNN và Tổ CGTĐLN.
17	Đánh giá về các giải pháp tổ chức thực hiện dự án: Xác định chủ đầu tư (nếu có); hình thức quản lý dự án	nt	Các TV HĐTĐNN và Tổ CGTĐLN.
18	Đánh giá về cơ chế, chính sách đặc thù; ưu đãi, hỗ trợ/bảo đảm đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có)	nt	TV HĐTĐNN và Tổ CGTĐLN thuộc các bộ: QP, CA, NN&PTNN, TNMT, GTVT, CT, TC, XD, TP, KHCN và UBQLV, UBND tp Cần Thơ, NHNN.
19	Đánh giá phương án thiết kế sơ bộ theo quy định của pháp luật về xây dựng.	nt	Thành viên HĐTĐNN và Tổ CGTĐLN thuộc các bộ: GTVT, CT, TC, XD, KHCN và UBQLV, UBND tp Cần Thơ.

II. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đề xuất thành lập Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành

a) Căn cứ pháp lý

- Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP quy định trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước: “*Quyết định thành lập Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành hoặc Tổ giúp việc Hội đồng tùy theo yêu cầu công việc đối với từng dự án quan trọng quốc gia*”.

- Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP quy định “*Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành là bộ phận được thành lập để giúp việc cho Hội đồng thẩm định nhà nước, gồm các chuyên gia của các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan khác có liên quan*”.

- Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP quy định: “*Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định nhà nước là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, có các nhiệm vụ huy động bộ máy của Bộ giúp Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức công việc thẩm định dự án quan trọng quốc gia và các hoạt động chung của Hội đồng; phối hợp với các cơ quan liên quan, Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, tư vấn thẩm tra để thực hiện các công việc thẩm định*”.

b) Dự kiến thành viên Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành

Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành gồm có 03 nhóm, mỗi nhóm có 01 trưởng nhóm.

Nhóm I (nhóm chuyên gia về đấu thầu):

Thành phần của Nhóm I gồm:

- Lãnh đạo Cục Quản lý đấu thầu (trưởng nhóm);
- Lãnh đạo Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư (phó trưởng nhóm);
- 02 chuyên viên Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư;
- 01 chuyên viên Vụ Kinh tế công nghiệp;
- 02 chuyên viên Cục Quản lý đấu thầu;

- Các thành viên khác do trưởng nhóm đề xuất và báo cáo Tổ trưởng Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành trình Lãnh đạo Bộ/Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước xem xét, quyết định.

Nhóm II (nhóm chuyên gia giúp việc thẩm định Dự án)

Thành phần của Nhóm II gồm:

- Vụ trưởng Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư (trưởng nhóm);
- 01 Phó Vụ trưởng Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư (phó trưởng nhóm);
- Lãnh đạo Vụ Kinh tế Công nghiệp;
- Lãnh đạo Vụ Pháp chế;
- Lãnh đạo Vụ Kinh tế đối ngoại;
- Lãnh đạo Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân;
- Lãnh đạo Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường;

- Lãnh đạo Vụ Kinh tế địa phương và Lãnh thổ;
- Lãnh đạo Vụ Tài chính tiền tệ;
- Lãnh đạo Vụ Quản lý quy hoạch;
- Lãnh đạo Văn phòng Bộ;
- Lãnh đạo Cục Quản lý đấu thầu;
- Lãnh đạo Cục Phát triển doanh nghiệp;

- 10 Chuyên viên của Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư (thực hiện các nội dung thẩm định do Vụ trưởng Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư phân công cụ thể từng thành viên).

- Các thành viên khác bao gồm: cán bộ cấp Vụ/Sở thuộc các Bộ, ngành, cơ quan trong thành phần của Hội đồng thẩm định Nhà nước, đơn vị liên quan trong Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Các thành viên khác do trưởng nhóm đề xuất và báo cáo Tổ trưởng Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành trình Lãnh đạo Bộ/Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước xem xét, quyết định.

Nhóm III (Nhóm hậu cần)

Giúp Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức công việc thẩm định Dự án và các hoạt động chung của Hội đồng. Hỗ trợ về trang thiết bị (*phòng làm việc, máy tính, máy in, máy chiếu*); Quản lý kinh phí phục vụ Hội đồng thẩm định Nhà nước (*gồm: chi phí thẩm định, chi phí thẩm tra và thanh toán cho Hội đồng và các thành viên, cơ quan, đơn vị liên quan*), dự kiến thành phần chính của Nhóm hậu cần của Hội đồng như sau:

- Chánh Văn phòng Bộ (trưởng nhóm);
- Phó Vụ trưởng Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư (phó trưởng nhóm);
- Thư ký Bộ trưởng;
- Thư ký Thứ trưởng;
- Đại diện Phòng Tài vụ, Văn phòng Bộ.
- 02 chuyên viên của Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư.

Các thành viên khác do Chánh Văn phòng Bộ đề xuất.

Tổ trưởng Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành xem xét, tổng hợp và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập Tổ và thành viên của các nhóm trong Tổ.

c) Nhiệm vụ Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành

- Nhiệm vụ của Nhóm I (nhóm chuyên gia về đấu thầu): Lựa chọn nhà thầu tư

vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện công việc tư vấn thẩm tra, trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước thông qua.

- Nhiệm vụ của nhóm II (nhóm thẩm định Báo cáo NCTKT Dự án): (1) thẩm định Dự án theo các nhiệm vụ thẩm định đã nêu trên; (2) tổng hợp, dự thảo báo cáo thẩm định trình Lãnh đạo Bộ xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; (3) phối hợp với Nhóm chuyên gia đấu thầu nghiệm thu hồ sơ báo cáo kết quả thẩm tra Dự án điều chỉnh của tư vấn thẩm tra; (4) thực hiện các công việc được giao khác.

- Nhiệm vụ Nhóm III tổ chức và thực hiện các thủ tục liên quan đến chi tiêu tài chính phục vụ Hội đồng thẩm định theo đúng quy định hiện hành.

2. Đề xuất thuê tư vấn thẩm tra

a) Căn cứ pháp lý

Tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 14/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng thẩm định Nhà nước Dự án Nhà máy nhiệt điện Ô Môn III quy định: “Hội đồng được thuê tư vấn trong nước để thực hiện một hoặc một số phần công việc của nội dung thẩm định. Tư vấn được thuê bảo đảm độc lập, khách quan với tư vấn lập dự án để thẩm tra Báo cáo NCTKT Dự án theo đúng quy định. Việc thuê tư vấn, chi phí thẩm định, thẩm tra được thực hiện theo quy định tại Điều 10, 11, 12 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP ngày 25/12/2015”.

- Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP quy định: “Tư vấn thẩm tra là tổ chức hoặc cá nhân trong nước, nước ngoài hoặc liên danh trong nước và nước ngoài được Hội đồng thẩm định nhà nước thuê để thực hiện một hoặc một số phần công việc của nội dung thẩm định dự án quan trọng quốc gia”.

- Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP quy định: “Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước quyết định việc thuê tư vấn trong nước thẩm tra dự án quan trọng quốc gia”.

- Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP quy định: “Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành xác định nhà thầu tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện ngay công việc tư vấn, trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước thông qua”.

- Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP quy định: “Chi phí thẩm định và thuê tư vấn thẩm tra các dự án quan trọng quốc gia được tính trong tổng mức đầu tư dự án và được chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư thanh toán theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định nhà nước, bảo đảm tiến độ thẩm định, thẩm tra dự án quan trọng quốc gia theo kế hoạch.

Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư có trách nhiệm thanh toán chi phí thẩm tra cho tư vấn thẩm tra theo hợp đồng đã được ký, sau khi có ý kiến của Hội đồng thẩm định nhà nước”.

b) Tư vấn thẩm tra

Thực hiện Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 14/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng dự kiến sẽ thuê 01 tổ chức tư vấn có năng lực kinh nghiệm (đã lập thẩm định hoặc thẩm tra 02 dự án có tính chất tương tự) để thực hiện công việc tư vấn thẩm tra Báo cáo NCTKT Dự án giúp Hội đồng thực hiện nhiệm vụ thẩm định Dự án.

Nhiệm vụ tư vấn thẩm tra là rà soát, đánh giá toàn bộ quá trình và kết quả nghiên cứu tiền khả thi của Dự án, trong đó tập trung nghiên cứu sâu để đánh giá về hướng tuyến; khả năng kết nối; tổng mức đầu tư, quy mô Dự án; thiết kế công nghệ; đặc biệt là các giải pháp thực hiện tối ưu hóa thiết kế hoặc các giải pháp khác nhằm làm giảm tổng mức đầu tư, phát huy hiệu quả Dự án (*chi tiết xem Phụ lục 01 kèm theo*).

c) Quy trình, thủ tục lựa chọn tư vấn thẩm tra

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể như sau:

(1) Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành (Nhóm chuyên gia về đấu thầu) xác định nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện ngay công việc tư vấn, trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước thông qua.

(2) Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày giao thầu, Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành (Nhóm chuyên gia về đấu thầu) phải hoàn tất các thủ tục chỉ định thầu, bao gồm:

- a) Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu tư vấn;
- b) Tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- c) Chuẩn bị ký kết hợp đồng với tư vấn được chỉ định. Hợp đồng được ký giữa 3 bên, gồm đại diện của Hội đồng thẩm định nhà nước, đại diện của UBQLVNN tại Doanh nghiệp và tư vấn được lựa chọn;
- d) Công khai kết quả chỉ định thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

III. THỜI GIAN VÀ CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

Thời gian và chương trình làm việc của Hội đồng thẩm định nhà nước dự kiến như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
1	Thành lập HĐTDNN: Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 14/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ	Đã hoàn thành
2	Gửi hồ sơ xin ý kiến các cơ quan liên quan	Đang trình dự thảo, dự kiến hạn có ý kiến ngày 30/8/2019
3	Chủ tịch Hội đồng ký Quyết định phê duyệt Kế hoạch thẩm định.	Sau khi các TVHĐNN thông qua dự thảo KH (8/2019)
4	Chủ tịch Hội đồng ký Quyết định thành lập Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành	Sau khi phê duyệt Kế hoạch thẩm định
5	Lựa chọn tư vấn thẩm tra	Sau khi phê duyệt Kế hoạch thẩm định
6	Dự thảo Báo cáo thẩm định BCNCTKT DA (lần 1)	Sau lựa chọn tư vấn thẩm tra 15 ngày
7	Họp phiên thứ nhất: HĐTDNN cùng với Tổ chuyên gia TĐLN	Sau Báo cáo thẩm định lần 1 từ 7 đến 10 ngày
8	Chủ đầu tư giải trình, bổ sung hoàn thiện hồ sơ DA (lần 1)	Sau phiên họp Hội đồng lần 1 từ 15 đến 20 ngày
9	Hoàn chỉnh Dự thảo Báo cáo thẩm định xin ý kiến các thành viên Hội đồng, tiếp thu, hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ	Sau giải trình bổ sung của chủ đầu tư từ 7 đến 15 ngày

IV. ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC

1. Địa điểm và phương tiện làm việc

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cơ quan Thường trực của Hội đồng) sẽ bố trí địa điểm các phiên họp của Hội đồng thẩm định nhà nước, Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, phòng làm việc cho Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành (nếu cần).

2. Chi phí thẩm định, thẩm tra Báo cáo NCTKT Dự án

a) Cơ sở pháp lý xác định chi phí thẩm định, thẩm tra Dự án

Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP quy định: “*Chi phí thẩm tra là chi phí thuê tư vấn thẩm tra dự án quan trọng quốc gia của Hội đồng thẩm định nhà nước*”.

Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP quy định: “*Chi phí thẩm định là các chi phí phục vụ cho các hoạt động thẩm định dự án quan trọng quốc gia của Hội đồng thẩm định nhà nước (không bao gồm chi phí thẩm tra nêu tại Khoản 1 Điều này)*”;

Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP quy định: “Chi phí thẩm tra và thẩm định các dự án quan trọng quốc gia được xác định như sau:

- Định mức chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được tính bằng định mức chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi³;
- Chi phí thẩm định được tính bằng 20% định mức chi phí thẩm tra;
- Định mức chi phí thẩm tra áp dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng”.

Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP quy định: “Chi phí thẩm định và thuê tư vấn thẩm tra các dự án quan trọng quốc gia được tính trong tổng mức đầu tư dự án và được chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư thanh toán theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định nhà nước, bảo đảm tiến độ thẩm định, thẩm tra dự án quan trọng quốc gia theo kế hoạch.

Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư có trách nhiệm thanh toán chi phí thẩm tra cho tư vấn thẩm tra theo hợp đồng đã được ký, sau khi có ý kiến của Hội đồng thẩm định nhà nước”.

Khoản 5 Điều 12 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP quy định: “Hội đồng thẩm định nhà nước khoán chi cho các thành viên Hội đồng, Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành và các tổ giúp việc khác (nếu có) và các chi phí khác, bảo đảm hoạt động thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước”.

Khoản 2 Mục V Phần I Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng quy định: “Chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 16 trong Quyết định này) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong sơ bộ tổng mức đầu tư của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được duyệt hoặc ước tính theo suất vốn đầu tư, dữ liệu chi phí của các dự án có tính chất, quy mô tương tự đã hoặc đang thực hiện (trong trường hợp dự án không phải lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi)”.

b) Chi phí thẩm định, thẩm tra Dự án

Tổng giá trị chi phí thẩm định và thẩm tra là 4,392 tỷ đồng, gồm:

Chi phí thẩm định : 0,732 tỷ đồng;

Chi phí thẩm tra : 3,66 tỷ đồng;

(Chi tiết xin xem Phụ lục 02: Kế hoạch lựa chọn tư vấn và chi phí thẩm tra,

³ Bảng 16 Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng quy định định mức chi phí thẩm tra Báo cáo NCKT

thẩm định kèm theo).

Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm thanh toán chi phí thẩm định, thẩm tra theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định nhà nước, bảo đảm tiến độ thẩm định, thẩm tra Báo cáo NCKT Dự án theo kế hoạch./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng
CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC

PHỤ LỤC: CHI PHÍ THẨM ĐỊNH

Báo cáo NCTKT Dự án Nhà máy nhiệt điện Ô Môn III

1. Cơ sở pháp lý xác định chi phí thẩm định, thẩm tra Dự án

Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP quy định: “*Chi phí thẩm định là các chi phí phục vụ cho các hoạt động thẩm định dự án quan trọng quốc gia của Hội đồng thẩm định nhà nước (không bao gồm chi phí thẩm tra nêu tại Khoản 1 Điều này)*”;

Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP quy định: “*Chi phí thẩm tra và thẩm định các dự án quan trọng quốc gia được xác định như sau:*

- *Định mức chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được tính bằng định mức chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi;*
- *Chi phí thẩm định được tính bằng 20% định mức chi phí thẩm tra;*
- *Định mức chi phí thẩm tra áp dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng*”.

Mục 5 Phần II Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng hướng dẫn áp dụng định mức chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP quy định: “*Chi phí thẩm định và thuê tư vấn thẩm tra các dự án quan trọng quốc gia được tính trong tổng mức đầu tư dự án và được chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư thanh toán theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định nhà nước, bảo đảm tiến độ thẩm định, thẩm tra dự án quan trọng quốc gia theo kế hoạch.*

Khoản 5 Điều 12 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP quy định: “*Hội đồng thẩm định nhà nước khoán chi cho các thành viên Hội đồng, Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành và các tổ giúp việc khác (nếu có) và các chi phí khác, bảo đảm hoạt động thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước*”.

Khoản 2 Mục V Phần I Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng quy định: “*Chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi*

xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 16 trong Quyết định này) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong sơ bộ tổng mức đầu tư của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được duyệt hoặc ước tính theo suất vốn đầu tư, dữ liệu chi phí của các dự án có tính chất, quy mô tương tự đã hoặc đang thực hiện (trong trường hợp dự án không phải lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) ”.

2. Chi phí thẩm định Dự án

Theo hồ sơ Dự án, chi phí xây dựng là 1.169,319 tỷ đồng và chi phí thiết bị 13.698,525 tỷ đồng (chưa có thuế giá trị gia tăng), tổng cộng là 14.867,844 tỷ đồng.

Định mức chi phí thẩm tra được xác định theo quy định tại Điểm 9 mục 1 Phần I và Bảng 16 Quyết định số 79/QĐ-BXD là 0,02462% chi phí xây dựng và thiết bị (chưa có thuế GTGT) (*tỷ lệ % được tính theo phương pháp nội suy từ số thứ tự 2 là Công trình công nghiệp với cột 10 nghìn tỷ đồng và cột 20 nghìn tỷ đồng*).

- Chi phí thẩm tra: $14.867,844 \text{ tỷ đồng} \times 0,02462\% = 3,66 \text{ tỷ đồng}$ (chưa bao gồm cả GTGT 10%).

- Chi phí thẩm định: $3,66 \text{ triệu đồng} \times 20\% = 0,732 \text{ tỷ đồng}$.

3. Nguồn kinh phí thẩm định, thẩm tra

Thực hiện theo 1015/QĐ-TTg ngày 14/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng thẩm định Nhà nước Dự án Nhà máy nhiệt điện Ô Môn III, nguồn vốn do Tập Đoàn điện lực Việt Nam.

Tập Đoàn điện lực Việt Nam có trách nhiệm bố trí kế hoạch vốn đầu tư công hoặc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác thanh toán chi phí thẩm tra cho tư vấn, chi phí thẩm định theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định nhà nước, bảo đảm tiến độ thẩm định, thẩm tra Dự án theo Kế hoạch.

DANH SÁCH GỬI VĂN BẢN VÀ HỒ SƠ

(không gửi danh sách này)

Thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước:

- (1) Lãnh đạo Văn phòng Chính phủ.
- (2) Lãnh đạo Bộ Quốc phòng.
- (3) Lãnh đạo Bộ Công an.
- (4) Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- (5) Lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- (6) Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải.
- (7) Lãnh đạo Bộ Công Thương.
- (8) Lãnh đạo Bộ Tài chính.
- (9) Lãnh đạo Bộ Xây dựng.
- (10) Lãnh đạo Bộ Tư pháp.
- (11) Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ.
- (12) Lãnh đạo Ngân hàng nhà nước Việt Nam.
- (13) Lãnh đạo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.
- (14) Lãnh đạo UBND thành phố Cần Thơ.